

Bản án số: 571/2020/HS-PT

Ngày 09-12-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Kim Loan

Các Thẩm phán: 1. Ông Nguyễn Văn Hậu

2. Ông Lê Công Huân

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Thanh Xuân – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Lê Trung Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 462/2020/HSPT ngày 15 tháng 10 năm 2020 đối với bị cáo Nguyễn Thị N và các đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2020/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Nguyễn Thị N; giới tính: nữ; sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A đường TVD, Phường C, Quận D, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: nhà không số, tổ E2, khu phố G, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: buôn bán (trái cây); con ông: NVA1 (chết) và bà VTN3 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 03 con (lớn nhất sinh năm 2000, nhỏ nhất sinh năm 2013); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 01/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 181) (có mặt).

2. Trần Thanh T (tên gọi khác: S); giới tính: nam; sinh năm 1972 tại Sài Gòn; thường trú: số A2 đường NTS, Phường C2, quận D2, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A3 đường số E, phường C3, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: buôn bán (nước uống); con ông: TVN4 và bà CTY (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 01 con (sinh năm 1997); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 08/3/2020, thay thế biện pháp

ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 177) (có mặt).

3. Võ Thị Bé B; giới tính: nữ; sinh năm 1966 tại tỉnh Long An; thường trú: số A4 ấp E1, xã C4, huyện D3, tỉnh Long An; chỗ ở: nhà không số, tổ E3, khu phố G, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 03/12; nghề nghiệp: thu gom rác; con ông: VVL và bà: NTL1 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 con (sinh năm 1987); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 01/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 180) (có mặt).

4. Hà Lương Mộng T1; giới tính: nữ; sinh năm 1983 tại tỉnh Long An; thường trú: số A4 ấp E1, xã C4, huyện D3, tỉnh Long An; chỗ ở: Nhà không số, tổ E3, khu phố G, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 6/12; nghề nghiệp: thu gom rác; con ông: HTN5 (chết) và bà: LTC5 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 03 con (lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2010); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 01/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 179) (có mặt).

5. Nguyễn Thị N1; giới tính: nữ; sinh năm 1964 tại thành phố Hải Phòng; thường trú: số A5 lô E4 CNDH (số A6 lô E4 CNDH1), phường C6, quận D4, thành phố Hải Phòng; chỗ ở: nhà không số, tổ E2, khu phố G, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 4/12; nghề nghiệp: công nhân hưu trí; con ông: NVC7 (chết) và bà HTM (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có 01 con (sinh năm 1990); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 01/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 178) (có mặt).

6. Nguyễn Thị Thu H; giới tính: nữ; sinh năm 1988 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A6 khu phố E5, phường C8, thành phố D5, tỉnh Bình Dương; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 12/12; nghề nghiệp: kế toán; con ông: NVC9 (chết) và bà: NVL2; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 con (sinh năm 2010); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 08/3/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 176) (có mặt).

7. Nguyễn Văn T2; giới tính: nam; sinh năm 1975 tại tỉnh Cà Mau; thường trú: xã C10, huyện D6, tỉnh Cà Mau; chỗ ở: số A7, tổ E6, khu phố E7, phường C11, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 01/12; nghề nghiệp: thu gom rác; con ông: NVK (chết) và bà: HTC12; hoàn cảnh gia đình: bị cáo có vợ và 03 con (lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 2001); tiền án: không; tiền sự: không; bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ

ngày: 28/02/2020; đến ngày 01/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 182) (có mặt).

8. Lê Thị B1; giới tính: nữ; sinh năm 1964 tại Sài Gòn; thường trú: số A8 đường LDC, khu phố E8, phường C11, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh; chỗ ở: số A9 LP, khu phố E9, phường C13, Quận D7, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 02/12; nghề nghiệp: làm thuê; con ông: NVC14 (chết) và bà: LTD7 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo có chồng và 01 con (sinh năm 1995); tiền án: không; tiền sự: không;

Nhân thân: ngày 26/3/2009, bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 07 năm tù về “Tội Chứa mại dâm” (Bản án số 27/2009/HSST – BL 106-408). Bị cáo đã chấp hành xong hình phạt chính, hình phạt bổ sung và án phí (BL 412, 411).

Bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú (trước đó, bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020; đến ngày 18/4/2020, thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú – BL 183) (có mặt).

9. Nguyễn Minh T3; giới tính: nam; sinh năm 1981 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: số A10 đường VDA, Phường C15, quận D8, Thành phố Hồ Chí Minh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ văn hóa: 9/12; nghề nghiệp: sửa xe; con ông: NVR (chết) và bà: NTH2 (chết); hoàn cảnh gia đình: bị cáo chưa có vợ, con;

Tiền sự: Ngày 18/5/2018, bị Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 21 tháng, kể từ ngày 06/3/2018 về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy (Quyết định số 57/QĐ-TA). Ngày 08/02/2020 chấp hành xong (BL 423).

Tiền án: Ngày 16/02/2017, bị Tòa án nhân dân Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” (Bản án số 43/2017/HSST – BL 418-421). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 06/3/2017 (BL 422), chưa nộp án phí và hình phạt tiền bổ sung (BL 425).

bị bắt, tạm giữ, tạm giam từ ngày: 28/02/2020 (có mặt).

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Bà Đào Thị Bích Liên - thuộc Văn phòng Luật sư Hà Hải và Cộng sự, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh – bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn T2, Hà Thị Mộng Thu, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 30 ngày 28/02/2020, đối tượng BH3 (chưa rõ nhân thân, lai lịch) bắt đầu tổ chức cho nhiều người đánh bạc ăn tiền tại bãi đất trống thuộc tổ E10, khu phố E4, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh với hình thức đánh bài bửu, mỗi người đặt cược từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng và đều

được làm cái xoay vòng. Một lần làm cái 04 ván, hết 04 ván, người làm cái phải đưa tiền xâu cho BH3 từ 10.000 đồng đến 20.000 đồng, tùy thuộc vào tiền cái thắng. Vào lúc 20 giờ cùng ngày, khi Nguyễn Thị N đang cầm cái cùng đánh bạc với Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Trần Thanh T, Lê Thị B1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2, Nguyễn Minh T3 và Danh Sơn thì bị Công an Quận 2 vào kiểm tra bắt quả tang cùng tang vật. Công an Quận 2 cũng mời một số người liên quan khác là NVH4, TVH5, HVT4 và TTMP đang đứng xem về trụ sở để điều tra xử lý.

Kết quả điều tra xác định:

- Nguyễn Thị N mang theo số tiền 5.000.000 đồng đến đánh bạc. Lúc đầu, bị cáo N bỏ ra 100.000 đồng hùn ăn thua đầu với người làm cái là Trần Thanh T, lúc này T đang cầm cái ăn thua với 08 người. Bị cáo N hùn vốn với T được 04 ván kết quả không ăn và cũng không thua. Sau đó, N dùng số tiền 5.000.000 đồng để làm cái, T hùn 100.000 đồng với N đánh ván thứ nhất thắng 300.000 đồng. N chia cho T 100.000 đồng, còn 200.000 đồng để dưới chiếu bạc. Khi N và T đang cầm cái đánh ăn thua cùng với Bé B đặt 200.000 đồng, Thu đặt 300.000 đồng, N1 đặt 50.000 đồng, H và T2 đặt 200.000 đồng, B1 đặt 100.000 đồng, Sơn và T3 cùng một người không rõ tên tuổi đặt 300.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Trần Thanh T mang theo số tiền 4.100.000 đồng để tham gia đánh bạc. Khi T tham gia làm cái thì N hùn 100.000 đồng (thắng, thua đầu). Kết thúc cái, T thua hết 700.000 đồng. Sau đó, đến N cầm cái, T hùn 100.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Võ Thị Bé B mang theo 5.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đến 200.000 đồng. Tham gia nhiều ván thua 400.000 đồng. Khi N đang cầm cái, Bé B đặt 200.000 đồng để ăn thua với nhà cái thì bị bắt quả tang.

- Nguyễn Thị N1 mang theo số tiền 700.000 đồng để tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược 50.000 đồng. Tham gia nhiều ván thua 150.000 đồng. Khi N đang cầm cái, N1 đặt 50.000 đồng để ăn thua với nhà cái thì bị bắt quả tang.

- Lê Thị B1 mang theo 3.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng; tham gia nhiều ván thắng được 1.000.000 đồng. Khi N đang cầm cái, B1 đặt 100.000 đồng (không có tờ 100.000 đồng nên đặt tờ 200.000 tại vị trí ngồi chơi) thì bị bắt quả tang.

- Nguyễn Thị Thu H mang theo 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng; tham gia nhiều ván thua hết 300.000 đồng. Khi N đang cầm cái thì H đặt 100.000 đồng. Sơn đặt ké 100.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Hà Lương Mộng T1 mang theo 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 300.000 đồng; tham gia nhiều ván thua hết 500.000 đồng. Khi N đang cầm cái Thu đặt 300.000 đồng thì bắt quả tang.

- Nguyễn Minh T3 mang theo 600.000 đồng để tham gia đánh bạc, mỗi ván đặt cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng; tham gia nhiều ván thua hết 250.000 đồng. Khi N đang cầm cái thì T3 đặt 50.000 đồng, Sơn đặt ké T3 200.000 đồng,

một người không rõ lai lịch đặt ké 50.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Danh Sơn mang theo 1.000.000 đồng để tham gia đánh bạc. Sơn đặt ké T3 từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng; tham gia được ba ván thua hết 100.000 đồng. Khi N đang cầm cái thì Sơn đặt ké T3 200.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Nguyễn Văn T2 mang theo 2.000.000 đồng để tham gia đánh bạc, T2 đặt ké H mỗi ván từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng; tham gia nhiều ván thua hết 800.000 đồng. Khi N đang cầm cái thì T2 đặt ké H 100.000 đồng thì bị bắt quả tang.

- Ông NVH4 mang theo 800.000 đồng và ông TVH5 mang theo 200.000 đồng để tham gia đánh bạc nhưng chưa tham gia mà chỉ xem thì bị mời về trụ sở làm việc. Ông HVT4 (đi theo Lê Thị B1) và Trần Thị Minh Phương (vợ Trần Thanh T) đang xem đánh bạc cũng mời về trụ sở làm việc.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 54/2020/HS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Tòa án nhân dân Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị B1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Văn T2 phạm “Tội đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo N, T, Bé B, Thu, H, B1, N1, T2).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T3).

Xử phạt:

1. Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 31/3/2020).

2. Trần Thanh T 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 07/3/2020).

3. Võ Thị Bé B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 31/3/2020).

4. Hà Lương Mộng T1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 31/3/2020).

5. Nguyễn Thị N1 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 31/3/2020).

6. Nguyễn Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 07/3/2020).

7. Nguyễn Văn T2 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 31/3/2020)

8. Lê Thị B1 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 17/4/2020).

9. Nguyễn Minh T3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2020.

Ngoài ra, bản án còn xử phạt Danh Sơn 06 (sáu) tháng 03 (ba) ngày tù về “Tội Đánh bạc”, tuyên xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Sau khi xử sơ thẩm, các bị cáo có đơn kháng cáo, cụ thể:

Ngày 03/9/2020, bị cáo Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Hà Thị Mộng Thu, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2, Lê Thị B1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 04/9/2020, bị cáo Nguyễn Thị N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt. Ngày 07/9/2020, bị cáo Nguyễn Minh T3 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo đều nêu lý do kháng cáo: bản thân chưa có tiền án tiền sự, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, giúp đỡ cơ quan chức năng nhanh chóng làm sáng tỏ vụ án; là lao động chính trong gia đình và sức khỏe yếu; ngoài ra, bị cáo H còn nêu lý do có mẹ già và con nhỏ cần chăm sóc.

Theo đó, bị cáo N nộp kèm: bản phô-tô Giấy ra viện của Bệnh viện đa khoa Bưu điện với chẩn đoán đau dây thần kinh tọa, đau lưng kèm đau dây thần kinh tọa, trào ngược dạ dày thực quản, rối loạn giấc ngủ - BL 769. Bị cáo N1 nộp kèm: bản phô-tô Giấy ra viện của Bệnh viện Quận 2 với chẩn đoán mất vững cột sống thắt lưng L3L4, L4L5 – BL 741. Bị cáo B1 nộp 02 Giấy ra viện của Bệnh viện Ung bướu: 01 Giấy chẩn đoán ung thư cổ tử cung đã khoét chóp, đa nhân xơ tử cung, phương pháp điều trị được đề nghị là cắt tử cung toàn bộ, 2 phần phụ, 1 phần âm đạo, nạo hạch chậu; 01 Giấy chẩn đoán K cổ tử cung đã mổ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung Bản án sơ thẩm ghi nhận, xin được giảm nhẹ hình phạt và được cho hưởng án treo, riêng bị cáo T3 xin giảm nhẹ hình phạt. Bị cáo N cho biết đối tượng BH3 có quan hệ bà con với bị cáo nhưng không có cùng địa chỉ cư trú, xác định căn bệnh đau thần kinh tọa đã kéo dài suốt 06 năm nay và có vài lần được yêu cầu phẫu thuật nhưng vì không có tiền cho chi phí phẫu thuật nên đến giờ vẫn chưa chữa khỏi, bị cáo xin được hưởng án treo để về phẫu thuật. Bị cáo T xác định bản thân là lao động chính trong gia đình, xin được tạo điều kiện để chăm lo cho con còn nhỏ. Bị cáo Bé B cho biết hiện đang trực tiếp nuôi cha già. Bị cáo T1 xin được tạo điều kiện để nuôi con còn nhỏ, xác định bản thân có công việc ổn định. Bị cáo N1 xin được hưởng án treo do có hoàn cảnh gia đình khó khăn, tuổi tác đã cao mà sức khỏe kém. Bị cáo H cho biết là người trực tiếp nuôi dưỡng mẹ già, con nhỏ và xác nhận bản thân có công việc ổn định. Bị cáo T2 cho biết bản thân có công việc ổn định, xin được hưởng án treo để có điều kiện

chăm sóc mẹ già, vợ cùng con nhỏ. Bị cáo B1 cho biết bản thân bị bệnh ung thư, hiện mỗi ngày đều phải uống thuốc điều trị nên xin được xem xét khoan hồng. Bị cáo T3 xin được xem xét việc bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự để có mức án khoan hồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh sau khi phân tích tính chất của vụ án, mức độ của hành vi phạm tội, nhận định: Bị cáo Lê Thị B1 từng bị xử phạt hình sự nhưng không tu dưỡng mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội nên cần mức hình phạt nghiêm, tuy nhiên, tình tiết bị cáo bị bệnh hiểm nghèo chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt. Bị cáo Nguyễn Minh T3 từng bị xử phạt hình sự cũng như bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính nên cần thiết mức hình phạt nghiêm, tuy tình tiết bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự chưa được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét nhưng mức hình phạt đã tuyên là phù hợp. Các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2 có nhân thân tốt, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên đề nghị chấp nhận kháng cáo của các bị cáo. Từ đó, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo T3, giữ nguyên bản án sơ thẩm đối với bị cáo T3; chấp nhận kháng cáo của bị cáo B1, xử phạt bị cáo 09 tháng tù; chấp nhận kháng cáo của các bị cáo N, T, Bé B, Thu, N1, H, T2, sửa bản án sơ thẩm, cho các bị cáo được hưởng án treo, có thời gian thử thách cũng đủ tác dụng giáo dục và cải tạo.

Người bào chữa cho các bị cáo H, N1, Thu, T2 thống nhất tội danh và điều khoản mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử nhưng cho rằng các bị cáo trong vụ án tham gia với vai trò độc lập, không phải là đồng phạm trong vụ án, không có sự rủ rờ cùng thực hiện hành vi phạm tội mà chỉ là sự tình cờ, ngẫu nhiên có mặt tại hiện trường vụ án; các bị cáo không phạm tội mang tính chuyên nghiệp mà phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đều thành khẩn khai báo, giúp cơ quan điều tra nhanh chóng hoàn tất hồ sơ vụ án, đều là lao động chính trong gia đình và có công việc ổn định (có xác nhận kèm theo), riêng bị cáo N1 là công nhân vệ sinh đã về hưu, hiện đang điều trị nhiều bệnh (có tài liệu kèm theo) như: bệnh tăng huyết áp, đái tháo đường, điều trị khớp tại bệnh viện Trung Vương, cần thiết điều trị hàng tháng. Từ đó, Luật sư đề nghị không áp dụng Điều 17, Điều 58 và Điều 38 đối với các bị cáo H, N1, Thu, T2 và đề nghị áp dụng điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo được hưởng án treo như Kiểm sát viên đề nghị.

Đôi đáp với quan điểm bào chữa của Luật sư, Kiểm sát viên nhận định các bị cáo trong vụ án đã cố ý cùng thực hiện một tội phạm, phù hợp với khái niệm được nêu tại khoản 1 Điều 57 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; trong đó đối tượng BH3 là người tổ chức, các bị cáo là người thực hành nên cùng chịu chung trách nhiệm hình sự đối với số tiền bị thu giữ khi bị bắt quả tang; từ đó, cần thiết áp dụng Điều 17 từ đó có căn cứ áp dụng Điều

58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Vào khoảng 22 giờ 00 phút ngày 28/02/2020, tại bãi đất trống thuộc Tổ E10, khu phố E4, phường C1, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh, các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2, Lê Thị B1, Nguyễn Minh T3 và Danh Sơn đã có hành vi đánh bạc ăn thua bằng tiền trái phép với số tiền thu giữ trên chiếu bạc là 22.800.000 đồng, tại bãi đất trống thuộc Tổ 28, Khu phố 2, phường Bình Trưng Tây, Quận 2 thì bị Cơ quan công an phát hiện và bắt quả tang.

Với hành vi trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2, Lê Thị B1, Nguyễn Minh T3 và Danh Sơn về “Tội Đánh bạc”, là đúng người, đúng tội.

[2] Đơn kháng cáo của bị cáo trong hạn luật định là hợp lệ.

Về thông tin của các bị cáo ghi nhận tại phần lý lịch:

- Bị cáo Nguyễn Thị N1: Bản án hình sự sơ thẩm ghi nhận địa chỉ thường trú của bị cáo Nguyễn Thị N1 là “số 02, lô 88, Khu công nhân, phường Dư Hàng, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng”. Căn cứ vào Căn cước công dân cấp ngày 25/3/2016 và bản sao y Sổ hộ khẩu thì địa chỉ trên được ghi nhận là số A5 lô E4 CNDH (số A6 lô E4 CNDH1), phường C6, quận D4, thành phố Hải Phòng.

- Bị cáo Nguyễn Văn T2: Tại Lý lịch bị can (có xác nhận của Công an xã C10, huyện D6, tỉnh Cà Mau – BL 396-397), Danh bản, Chỉ bản, Trích lục tiền án, tiền sự (BL 398, 399, 400) ghi nhận bị cáo T2 có nơi thường trú tại xã C10, huyện D6, tỉnh Cà Mau; tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, Tòa án cấp sơ thẩm có Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 36/2020/HSST-BPNC ngày 12/6/2020 đối với Nguyễn Văn T2; Lệnh này được gửi đến Công an địa phương nơi bị cáo có chỗ ở (số A7, tổ E6, khu phố E7, phường C11, Quận D1, Thành phố Hồ Chí Minh) theo Phiếu báo phát có xác nhận của người nhận (BL 693, 689); vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận vào phần đầu bản án các thông tin trên.

[3] Xét kháng cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét thấy:

Các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2, Lê Thị B1, Nguyễn Minh T3 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền hay hiện vật trị giá từ 5.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng, thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Tòa án cấp sơ thẩm đã quyết định mức hình phạt cụ thể đối với từng bị

cáo trên cơ sở cân nhắc tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Quá trình xét xử phúc thẩm:

- Các bị cáo Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2 nộp bổ sung các văn bản, cụ thể: Giấy xác nhận ngày 19/11/2020 ghi nhận bị cáo H đang làm kế toán bán hàng tại Công ty TNHH TKVXDTV; Giấy xác nhận ngày 02/12/2020 ghi nhận bị cáo T2 đang làm công nhân thu gom rác tại Hợp tác xã MTTN6; Đơn xác nhận ngày 02/12/2020 ghi nhận bị cáo T1 đang làm nhân viên thu gom rác tại Công ty TNHH VSMTDN7; Xác nhận bị cáo N1 có hoàn cảnh gia đình khó khăn ngày 03/12/2020 của Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2 kèm Toa thuốc bảo hiểm y tế ghi nhận Bệnh viện Quận 2 chẩn đoán bị cáo bị cao huyết áp độ 2, rối loạn chuyển hóa lipoprotein và tình trạng tăng lipid máu khác, bệnh tiểu đường, rối loạn thần kinh cảm giác do thiếu máu cục bộ...

Qua đó thể hiện các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng, có công việc ổn định, có khả năng tự cải tạo và việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội.... Trên cơ sở tình tiết phát sinh sau khi xét xử sơ thẩm, đối chiếu với quy định tại Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng cáo của các bị cáo Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Văn T2 là có căn cứ nên chấp nhận, sửa bản án sơ thẩm, giữ nguyên hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo, có thời gian thử thách đối với các bị cáo cũng đủ đảm bảo tính chất giáo dục và khoan hồng của pháp luật.

- Các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Lê Thị B1, Nguyễn Minh T3: việc các bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động chính trong gia đình, hiện trực tiếp nuôi dưỡng những người thân thuộc hiện chưa có tài liệu của cơ quan có thẩm quyền xác nhận. Trong đó:

+ Bị cáo Lê Thị B1 tuy không có tình tiết nào mới nhưng xét thấy bản thân bị cáo hiện đang mắc bệnh hiểm nghèo (ung thư cổ tử cung) nên Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị của Kiểm sát viên, sửa bản án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật.

+ Bị cáo Nguyễn Minh T3 đã từng bị kết án, chưa được xóa án tích mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội do cố ý nên thuộc trường hợp tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; việc trước đây bị cáo từng tham gia nghĩa vụ quân sự (BL 424) là thể hiện trách nhiệm của mỗi người dân đối với đất nước. Do mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên là phù hợp, hiện bị cáo T3 không có tình tiết nào mới để xem xét nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần hình phạt đối với bị cáo.

+ Các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B là những người có số tiền dùng để đánh bạc tương đối lớn khi so sánh với các bị cáo khác trong vụ án, hiện không có tình tiết nào mới để xem xét, mức hình phạt đã tuyên là phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm phần hình phạt đối với các bị cáo.

[4] Căn cứ vào các Quyết định thay thế biện pháp ngăn chặn số 12/QĐ-VKSQ2 ngày 01/4/2020, số 06/QĐ-VKSQ2 ngày 08/3/2020, số 11/QĐ-VKSQ2 ngày 01/4/2020, số 24/QĐ-VKSQ2 ngày 18/4/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Quận 2 (BL 181, 177, 180, 183) và phần thông tin về ngày các bị cáo N, T, Bé B, B1 được thay thế biện pháp ngăn chặn sang cấm đi khỏi nơi cư trú (ghi nhận tại lý lịch của từng bị cáo tương ứng theo Bản án hình sự sơ thẩm), Hội đồng xét xử điều chỉnh phần thời điểm để tính thời gian được trừ đi trong phần quyết định của bản án cho phù hợp.

[5] Căn cứ vào quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn Kiêm, đồng thời thay thế hình phạt tù giam của bị cáo Nguyễn Văn Kiêm sang cấm đi khỏi nơi cư trú (ghi nhận tại lý lịch của từng bị cáo tương ứng theo Bản án hình sự sơ thẩm), Hội đồng xét xử điều chỉnh phần thời điểm để tính thời gian được trừ đi trong phần quyết định của bản án cho phù hợp.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c, e khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn T2, Lê Thị B1.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Nguyễn Minh T3.

Sửa bản án sơ thẩm.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T (S), Võ Thị Bé B, Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị Thu H, Lê Thị B1, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Minh T3, Nguyễn Văn T2 phạm “Tội đánh bạc”.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 58, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T1, H, N1, T2).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo N, T, Bé B, B1).

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm h khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 (đối với bị cáo T3).

Xử phạt:

1. Nguyễn Thị N 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 01/4/2020).

2. Trần Thanh T (S) 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 08/3/2020).

3. Võ Thị Bé B 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 01/4/2020).

4. Hà Lương Mộng T1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Hà Lương Mộng T1 cho Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

5. Nguyễn Thị N1 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị N1 cho Ủy ban nhân dân phường Bình Khánh, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

6. Nguyễn Thị Thu H 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Thị Thu H cho Ủy ban nhân dân phường Bình An, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

7. Nguyễn Văn T2 06 (sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 01 (một) năm, tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Văn T2 cho Ủy ban nhân dân phường An Phú, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

8. Lê Thị B1 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án (được trừ đi thời gian tạm giữ trước đó: từ ngày 28/02/2020 đến ngày 18/4/2020).

9. Nguyễn Minh T3 01 (một) năm 03 (ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 28/02/2020.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019 (hoặc điều luật tương ứng của pháp luật về thi hành án hình sự có hiệu lực vào thời điểm thay đổi nơi cư trú).

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của pháp luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án trước và tổng hợp với hình phạt của bản án mới.

Các bị cáo Hà Lương Mộng T1, Nguyễn Thị Thu H, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Văn T2, Lê Thị B1 không nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các bị cáo Nguyễn Thị N, Trần Thanh T, Võ Thị Bé B, Nguyễn Minh T3: mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

(Đã giải thích chế định án treo cho các bị cáo được tuyên hưởng án treo)

Nơi nhận:

- TAND tối cao; (1)
- TAND cấp cao tại TP.HCM; (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND Quận 2; (1)
- P.PC53 - CATP; (1)
- Bị cáo tại ngoại; (8)
- Bị cáo tạm giam; (1)
- Trại giam; (1)
- Thi hành án Quận 2; (10)
- TAND Quận 2; (1)
- Công an Quận 2; (1)
- UBND nơi BC cư trú; (10)
- Sở Tư pháp; (1)
- Lưu, Tòa Hình sự, hồ sơ (49) (8).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Kim Loan